

Bản án số: 12/2022/DS-PT

Ngày: 18/01/2022

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản,
hợp đồng vay tài sản và yêu cầu
hủy quyết định cá biệt, văn bản chứng thực*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc

Bà Phạm Thị Hồng Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 12 năm 2021 và ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLPT-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2021 về “ *Tranh chấp đòi lại tài sản, hợp đồng vay tài sản, yêu cầu hủy quyết định cá biệt, văn bản chứng thực*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2021/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2021/QĐPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn Th (tên gọi khác: Trương Văn V) – Chủ doanh nghiệp tư nhân Phi V (có mặt); Địa chỉ: Số 9, tổ 33, ấp Phú Sơn A, xã Long P, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1979 (có mặt); Địa chỉ: Số 9, tổ 33, ấp Phú Sơn A, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở hiện nay: Số 9, Khu 2, Thị trấn Trà Ô, huyện Trà Ô, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hồ Thị Trang H, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã Hòa Lộc, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh Vũ Hoàng L, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3. Chị Trần Thị Kiều Nh, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 9, tổ 33, ấp Phú Sơn A, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ: số 42B, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp theo pháp luật* là ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt ngày 19/11/2021).

5. Ủy ban nhân dân xã Long Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ: ấp Phú Sơn A, xã Long Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật là ông Đặng Hoàng H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Vũ Ph – Chức vụ: Công chức Tư pháp hộ tịch (văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021, có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn B (7 Đ), sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Sơn A, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông Dương Văn B (7 M), sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 6B, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Trần Minh Kh (Sơn M), sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Sơn A, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ông Trần Văn C, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 6B, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Trương Văn Th (tên gọi khác: Trương Văn V) – Chủ doanh nghiệp tư nhân Phi V là nguyên đơn.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh là bị đơn.

3. Chị Trần Thị Kiều Nh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020, sửa đơn khởi kiện ngày 02/09/2020, ngày 12/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/01/2021, ngày 25/03/2021, ngày 04/06/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Phi V trình bày như sau: Doanh nghiệp tư nhân Phi V (viết tắt: DNTN Phi V), đăng ký kinh doanh vào ngày 26/02/1998, thay đổi lần thứ 4 ngày 17/5/2013, chuyên kinh doanh xăng dầu, vận tải hành khách, cho thuê xe, nhà xưởng và mua bán xe ô tô, xe có động cơ do ông Trương Văn Th – Chủ DNTN làm đại diện. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh

là vợ của ông Th kết hôn vào ngày 29/05/2015. Trong năm 2015 DNTN Phi V nhận bà Nguyễn Thị Hồng Nh vào doanh nghiệp làm thủ quỹ, thủ kho và văn thư. Năm 2018, DNTN Phi V có nhu cầu mua đất nên ông Th vay tiền Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Song Ph, huyện Tam B số tiền là 2.000.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng. Ngày 03/07/2018, ông Th rút tiền vay để mua đất nhưng không thỏa thuận được giá nên chiều cùng ngày ông Th giao cho bà Nh với tư cách thủ quỹ giữ số tiền 2.000.000.000đ để gửi tiết kiệm. Ngày 04/07/2018, ông Th rút thêm 100.000.000đ tiền quỹ của doanh nghiệp đưa bà Nh gửi tiết kiệm, tổng cộng là 2.100.000.000đ (hai tỷ, một trăm triệu đồng). Cuối năm 2018, ông Th yêu cầu bà Nh rút số tiền 2.100.000.000đ để mua đất cho doanh nghiệp nhưng bà Nh không đồng ý. Ngày 22/01/2019 tại buổi hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Long Ph, huyện Tam B bà Nh trình bày ông Th cho bà Nh 2.000.000.000đ, còn 100.000.000đ là tiền bà Nh dành dụm, bà Nh đồng ý đưa lại cho ông Th 1.000.000.000đ. Sau đó, bà Nh nói với ông Th khi nào có hợp đồng mua bán đất thì bà sẽ rút tiền 2.100.000.000đ trả cho người bán đất, khi ông Th nhận chuyển nhượng thửa đất 150 + thửa 209 diện tích chung 2.115,6m² và nhà xưởng trên đất của ông Trần Văn C, hai bên thống nhất giá 2.100.000.000đ tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng viết tay ngày 04/04/2019 thì bà Nh yêu cầu phải cho bà đứng tên trong hợp đồng mới đồng ý rút tiền trả tiền đất, ông Th ghi tên bà Nh vào hợp đồng, ông Th trả tiền cọc trước cho ông C 03 lần là 200.000.000đ.

Đến hạn thanh toán tiền mua đất thì bà Nh không chịu rút tiền trả tiền đất, tại buổi hòa giải ngày 19/01/2020 của UBND xã Long Ph thì bà Nh nói ông cho bà 2.100.000.000đ, bà Nh đồng ý trả lại 1.000.000.000đ nhưng không thực hiện. Ngày 21/01/2020, bà Nh buộc ông Th phải ký tên vào tờ cam kết thừa nhận hai thửa đất mua của ông Trần Văn C là tài sản riêng của bà Nh, vì muốn lấy lại tiền đặt cọc nên ông Th đồng ý ký tên tại UBND xã Long Ph. Bà Nh đã sử dụng 2.100.000.000đ vào việc mua đất của ông Trần Văn C với tư cách cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/02/2020 với giá 1.985.000.000đ, diện tích 2.070,2m² (trong đó thửa 150 diện tích 1.630,5m²; thửa 209 diện tích 439,7m²), số tiền còn lại 115.000.000đ bà Nh giữ. Trước đó, ngày 10/08/2015, bà Nh có mượn ông Th số tiền 20.000.000đ để đưa cho cha ruột trị bệnh ở Cần Thơ.

Nay ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V yêu cầu bà Nh trả lại cho DNTN Phi V thửa đất số 150, diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² và thửa 209, diện tích 439,7m², loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền với đất tương đương số tiền 1.985.000.000đ. Yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 162994, thửa 150, diện tích 1.630,5m² và

số CV 162995, thửa 209, diện tích 439,7m², do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/03/2020; Yêu cầu bà Nh trả tiền lãi của số tiền 2.100.000.000đ từ ngày 01/01/2019 đến 18/03/2020 là 14 tháng 17 ngày x lãi suất 1.66%/tháng = 507.794.000đ. Tiền lãi tăng thêm 03 tháng của năm 2018, lãi suất 1.66%/tháng là 104.580.000đ ; Yêu cầu bà Nh trả lại cho DNTN Phi V số tiền còn lại là 115.000.000đ và tiền lãi x lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 18/03/2020 đến ngày 31/12/2020 là 09 tháng 13 ngày = 18.008.000đ, tổng cộng vốn và lãi 745.382.000đ; Yêu cầu Tòa án hủy văn bản cam kết tài sản riêng do ông Trương Văn Th lập ngày 20/01/2020 có chứng thực của UBND xã Long Ph số 27, ngày 21/01/2020; Yêu cầu bà Nh trả số tiền 20.000.000đ.

Ông Th không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nh đòi ông Th trả số tiền vay vốn 200.000.000đ, tiền lãi 117.600.000đ, số tiền mượn 32.000.000đ (gồm 22.000.000đ tiền thay bộ đèn hình led bóng xanh, bộ máy in và 10.000.000đ nâng cấp trụ bơm và gắn máy in), tổng cộng là 349.600.000đ vì số tiền 200.000.000đ đã trả rồi và thời hiệu khởi kiện đã hết, số tiền 32.000.000đ là số tiền lãi bà Nh trả cho doanh nghiệp trong năm 2018.

- Trong đơn phản tố ngày 26/11/2020 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày: Bà Nh là vợ ông Th kết hôn năm 2015. Tháng 9 năm 2015 ông Th có vay của bà số tiền 1.000.000.000đ, có hai biên nhận, ký tên đóng dấu của Chủ DNTN Phi V, mỗi biên nhận 500.000.000đ; đến ngày 09/10/2015 vay tiếp 200.000.000đ, có biên nhận, lãi suất 3%/tháng, khi nào trả vốn thì trả lãi, đến tháng 07/2018 bà biết ông Th có tiền gửi tiết kiệm mà không trả nên bà đòi tiền, do chưa đến hạn rút tiền tiết kiệm nên ông Th vay và thế chấp sổ tiết kiệm trả cho bà 1.000.000.000đ tiền vốn và 34 tháng tiền lãi là 1.020.000.000đ, cộng vốn và lãi ông Th trả cho bà số tiền là 2.000.000.000đ vào ngày 03/07/2018 và bà đã trả lại ông Th 02 biên nhận nợ 1.000.000.000đ, ông Th còn nợ bà 200.000.000đ. Ngày 04/07/2018 bà gửi Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Song Ph 100.000.000đ là tiền cá nhân của bà chứ không phải tiền ông Th đưa cho bà như lời ông Th trình bày. Đối với thửa đất số 150, diện tích 1.630,5m² và thửa 209, diện tích 439,7m² là do bà mua của ông Trần Văn C, có biên nhận ngày 22/01/2020, ngày 12/02/2020 và văn bản thỏa thuận ngày 18/03/2020, giá chuyển nhượng là 1.985.000.000đ, ông Th có làm văn bản cam kết hai thửa đất này là tài sản riêng của bà vào ngày 21/01/2020.

Về văn bản thỏa thuận ngày 18/03/2020 giữa ông C, bà Nh và ông Th là do ông Th có liên quan đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 04/04/2019 và tiền đặt cọc của ông Th mua đất của ông C trước đó nhưng việc mua đất không thành, ông C kiện bà và ông Th, sau đó thỏa thuận ông C giảm

số tiền bán đất 115.000.000đ nên bà đồng ý tiếp tục mua đất của ông C số tiền 1.985.000.000đ và bà cũng trả lại ông Th 200.000.000đ tiền cọc. Số tiền 2.100.000.000đ là tiền của cá nhân bà không phải tiền của Doanh nghiệp tư nhân Phi V hay của ông Th. Nay bà Nh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Th đòi bà trả thừa đất số 150 diện tích 1.630,5m² và thửa 209 diện tích 439,7m²; không đồng ý trả lại cho ông Th số tiền vốn và lãi 745.382.000đ; không đồng ý hủy chứng thực của UBND xã Long Ph số 27, ngày 21/01/2020; không đồng ý hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 150 diện tích 1630,5m² và thửa 209 diện tích 439,7m²; không đồng ý trả số tiền 20.000.000đ. Bà Nh có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Th trả số tiền vay là 200.000.000đ, tiền lãi từ ngày 9/10/2015 đến ngày 01/10/2021 x lãi suất 0,84%/tháng x 70 tháng = 117.600.000đ, yêu cầu ông Th trả số tiền 32.000.000đ (trong đó 22.000.000đ tiền thay bộ đèn hình led bóng xanh, máy in và 10.000.000đ là tiền nâng cấp trụ bơm, gắn máy in), tổng cộng là 349.600.000đ.

- Trong biên bản ghi lời khai ngày 04/01/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Trang H trình bày: Chị làm kế toán của doanh nghiệp tư nhân Phi V từ tháng 10/2015 đến nay. Chị có biết ông Th vay tiền ở Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long – Phòng giao dịch Song Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long nhưng mục đích chính là rút tiền gửi tiết kiệm 2.000.000.000đ, do chưa đến thời hạn rút tiền mới làm thủ tục vay, mục đích vay tiền để mở cây xăng ở Trà Ôn. Số tiền 100.000.000đ đưa bà Nh nhận vào ngày 04/7/2018 là tiền quỹ của doanh nghiệp dùng để mua đất, số tiền 2.000.000.000đ chị có lập phiếu chi cho bà Nh nhưng bà Nh không ký tên, chị có báo lại cho ông Th biết và ông Th đồng ý, bà Nh được ông Th trả lương mỗi tháng là 7.500.000đ từ năm 2016 cho đến nay. Chị có biết việc ông Th kiện bà Nh ra Ủy ban nhân dân xã Long Ph đòi số tiền 2.000.000.000đ là tiền bán xe của ông Th, gửi tiết kiệm đứng tên ông Th, nhưng do mua bán đất không được nên đưa cho bà Nh gửi Ngân hàng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hoàng L trình bày: Anh L là con trai của ông Th, anh L có thấy ông Th đưa tiền cho bà Nh nhưng không biết số tiền bao nhiêu, có nghe nói là trả bà Nh số tiền 200.000.000đ và 4.600.000đ tiền lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Yến Nh trình bày: Chị là con dâu của ông Th, chị là thủ quỹ cho DNTN Phi V, khi chị nghỉ sinh con thì ông Th giao lại cho bà Nh làm thủ quỹ. Tiền bán xăng hàng ngày, khoảng 5-7 ngày thì chị gom lại đưa cho ông Th, ông Th có kêu kế toán H ra phiếu chi cho bà Nh, việc ông Th trả tiền cho bà Nh 200.000.000đ tiền vốn và 4.600.000đ tiền lãi thì chị có thấy và có chứng kiến, bà Nh nhận tiền và ký tên vào sổ tay của ông Th.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến như sau: UBND xã Long Ph có chứng thực văn bản cam kết tài sản riêng số 27 ngày 21/01/2020, ông Th không bị ép buộc, việc chứng thực chữ ký là đúng. Đối với văn bản cam kết tài sản riêng số 26 ngày 21/01/2020 có chứng thực của UBND xã Long Ph thì có 03 người, UBND xã Long Ph chỉ chứng thực chữ ký 03 người đó, còn bị ép buộc hay không thì UBND xã Long Ph không biết, nội dung thì người nộp văn bản chịu trách nhiệm, lúc ký tên 03 người làm chứng khai không bị ép buộc nên UBND chứng thực. Đối với hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th và ông C có chứng thực, sau đó ông Th và ông C có đến UBND xã Long Ph xin hủy 02 hợp đồng do không mua bán nữa, sau đó bà Nh và ông C có đến lập 02 hợp đồng chuyển nhượng đất và có chứng thực của UBND xã Long Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long có văn bản số 1398/STNMT, ngày 26/4/2021 có ý kiến như sau: Phần đất thửa 209 diện tích 439,7m² và thửa 150 diện tích 1.630,5m² tọa lạc tại xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long của ông Trần Văn C được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/2019. Năm 2020, ông C chuyển nhượng hai thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh được Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Tam B chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận ngày 13/02/2020. Bà Nh có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hai thửa đất được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam B đồng ý. Ngày 26/03/2020 bà Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 209 diện tích 439,7m² và thửa 150 diện tích 1.630,5m² là thực hiện đúng khoản 1, 2 và 3 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ và hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2020 người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông là hàng xóm của ông Th, số tiền 2.100.000.000đ là do ông Th bán xe của vợ trước, sau đó gửi ngân hàng lãi suất thấp nên ông Th rút số tiền đưa bà Nh đứng tên gửi Ngân hàng lãi suất cao hơn, vợ chồng mượn tiền đều có làm biên nhận. Ông có đến UBND xã Long Ph ký văn bản ông Th cam kết tài sản riêng có mặt ông Kh, ông C, bà Nh và ông Th.

- Trong biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2020 người làm chứng ông Dương Văn B trình bày: Ông và ông Th là bạn bè, ông Th yêu cầu bà Nh trả 2.100.000.000đ là số tiền ông Th vay ở Ngân hàng Song Ph đầu tư cây xăng. Sau đó ông Th mua 2 chiếc xe rồi bán được 2.100.000.000đ, khi ông mượn tiền

ông Th thì ông Th nói đưa bà Nh 2.100.000.000đ để gửi Ngân hàng Trà Ô. Ông Th mua đất ông C khoảng 2.000.000.000đ để hai người đứng tên nhưng bà Nh đòi đứng tên riêng. Tại nhà ông Th, bà Nh thì bà Nh nói tiền tôi có riêng là khoảng 700 - 800 triệu đồng, ông không thấy biên nhận nào bà Nh thừa nhận nợ ông Th 2.100.000.000đ. Ông Th có nói bà Nh giành đứng tên hai thửa đất, không cho ông Th thừa kế nên ông mới đi kiện.

- Trong biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2020 người làm chứng ông Trần Minh Kh trình bày: Ông là hàng xóm với ông Th, trước đây ông Th và bà Nh có yêu cầu UBND xã Long Ph hòa giải về việc tranh chấp tiền bạc, ông tham gia hòa giải với tư cách đại diện chính quyền địa phương. Khi hòa giải ông Th yêu cầu bà Nh trả số tiền ông Th bán xe, bà Nh cho rằng đây là số tiền ông Th cho bà Nh nên không trả lại. Ông ký văn bản ông Th cam kết tài sản riêng của bà Nh còn nội dung văn bản thì không xem lại, ông Th ký tên vào văn bản để xác định tài sản riêng, ông Th cũng không nói là bị ép buộc khi ký vào văn bản.

- Đối với người làm chứng ông Trần Văn C vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2021/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 93, 147, 165, 227, 228, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 5, 166, 280, 357, 463, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 99, 106, 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 28, 33, 34, 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 183, 184 Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính Phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Điều 11, 12 Thông tư số 133/2016/TT-BTC, ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V về việc yêu cầu bà Nh trả lại cho nguyên đơn thửa đất số 150, diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 1.445,8m² đất trồng cây lâu năm) và thửa 209, diện tích 439,7m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 289,7m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị

Hồng Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà, xưởng; yêu cầu bà Nh trả lại cho DNTN Phi V số tiền tổng cộng là 745.382.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng); yêu cầu hủy văn bản cam kết tài sản riêng có chứng thực của UBND xã Long Phú số 27 ngày 21/01/2020; yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 162994, thửa 150, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² và CV số 162995, thửa 209, tờ bản đồ số 8, diện tích 439,7m², cùng tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/03/2020; yêu cầu bà Nh trả số tiền mượn 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) mà bà Nh mượn đưa cha ruột đi điều trị bệnh.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Nh:

Buộc ông Trương Văn Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền vay và lãi theo biên nhận ngày 09/10/2015 là 349.600.000đ (Ba trăm, bốn mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng Nh tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 150, diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 1.445,8m² đất trồng cây lâu năm) và thửa 209, diện tích 439,7m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 289,7m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long và tài sản trên đất. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ đăng ký biến động thửa 150 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

3. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn Th số tiền lãi vay vượt quá quy định của pháp luật là 529.537.000đ và số tiền chia tài sản chung của vợ chồng là 50.000.000đ, tổng cộng là 579.537.000đ (Năm trăm, bảy mươi chín triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 17 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm pháp luật nghiêm trọng xem như tước đoạt tài sản hợp pháp của doanh nghiệp, yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an có thẩm quyền điều tra giải quyết trả lại tài sản hợp pháp cho doanh nghiệp như các đơn khởi kiện, xem việc làm của bà Nh phạm tội vu khống, lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Doanh nghiệp.

- Ngày 18 tháng 10 năm 2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Nh có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án

sơ thẩm bà Nh không phải trả cho ông Trương Văn Thê số tiền lãi vay là 529.537.000đ và số tiền chia tài sản chung là 50.000.000đ, tổng cộng là 579.537.000đ.

- Ngày 17 tháng 10 năm 2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Kiều Nh có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do bản án không hợp lý, không hợp pháp gây hậu quả tước đoạt 2.100.000.000đ là tài sản hợp pháp của doanh nghiệp, bà Nh là thủ quỹ giữ tiền của doanh nghiệp, yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an có thẩm quyền điều tra giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xác định sai tư cách tham gia tố tụng nguyên đơn là chủ DNTN Phi V chứ không phải là ông Th, tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn bộ chứng cứ DNTN Phi V đã nộp, yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an có thẩm quyền điều tra giải quyết trả lại tài sản hợp pháp cho doanh nghiệp. Trong trường hợp không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của ông Th – Chủ DNTN Phi V.

- Bà Nh không đồng ý kháng cáo của ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V, giữ nguyên kháng cáo không đồng ý trả cho ông Trương Văn Th số tiền lãi 529.537.000đ và chia tài sản chung là 50.000.000đ, tổng cộng là 579.537.000đ, lý do số tiền ông Th vay của bà Nh thì ông Th đã trả xong.

- Chị Nhi giữ nguyên kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bản án không hợp lý, yêu cầu chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an có thẩm quyền điều tra giải quyết theo qui định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Xét kháng cáo bà Nh số tiền 100.000.000đ là tài sản chung, số tiền 2.100.000.000đ dùng vào việc mua hai thửa đất của ông C. Xét kháng cáo của ông Th, số tiền 2.100.000.000đ là của ông Th vay đưa lại cho bà Nh mua đất. Văn bản cam kết tài sản riêng ngày 21/01/2020 lập trước văn bản thỏa thuận ngày 18/03/2020 giữa ông C, bà Nh và ông Th về hợp đồng chuyển nhượng đất nên văn bản cam kết tài sản riêng ngày 21/01/2020 không có giá trị pháp lý. Xét hai thửa đất 150 và 209 có nguồn gốc do ông C chuyển nhượng cho ông Th và bà Nh là tài sản chung của ông Th và bà Nh. Kết luận giám định không phải chữ ký bà Nh ký nhận 200.000.000đ, lãi 4.600.000đ và số tiền

32.000.000đ, số tiền mua đất còn lại 115.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng, ông Th yêu cầu trả 20.000.000đ không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nh; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th; Không chấp nhận kháng cáo của chị Nh; Công nhận hai thửa đất số 150 diện tích 1.630,5m², và thửa 209 diện tích 439,7m² tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long và số tiền còn lại 115.000.000đ do bà Nh giữ là tài sản chung của vợ chồng bà Nh và ông Th; Không chấp nhận yêu cầu của ông Th yêu cầu bà Nh trả số tiền mượn 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nh. Buộc ông Th có trách nhiệm trả cho bà Nh số tiền vay vốn và lãi 349.600.000đ. Án phí và chi phí tố tụng giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V, bà Nh và chị Nh còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo qui định tại khoản 3, 4 Điều 185 Luật doanh nghiệp năm 2014: “Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp; Chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp”. Theo qui định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự năm 2015 Doanh nghiệp tư nhân không phải pháp nhân nên không có tư cách tham gia tố tụng được qui định tại Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án sơ thẩm xác định nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V là đúng qui định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Bà Nh và ông Th là vợ chồng, ông Th là chủ DNTN Phi V nhận bà Nh làm thủ quỹ của DNTN Phi V, có lập hợp đồng lao động mỗi năm lập hợp đồng một lần, thời gian làm việc từ ngày 01/01/2016. Ngày 03/7/2018, cá nhân ông Trương Văn Th ký hợp đồng vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long, Phòng giao dịch xã Song Ph (bút lục 172), mục đích vay tiêu dùng, sinh hoạt cá nhân, thời hạn vay 31 ngày, tài sản cầm cố là số tiền 2.000.000.000đ ông

Thê gửi tiết kiệm tại BIDV Vĩnh Long, ngày đến hạn của sổ tiền tiết kiệm là ngày 21/08/2018. Sổ tiền này ông Thê trình bày là do DNTN Phi V vay chứ không phải cá nhân ông Th vay, ông Th đã giao cho bà Nh với tư cách là thủ quỹ đem 2.000.000.000đ gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long theo giấy gửi tiền ngày 03/07/2018 (bút lục 163). Kế toán là chị H ra phiếu chi cho người nhận tiền là bà Nh nhưng tại mục thủ quỹ bà Nh không ký tên nhận tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H thừa nhận không trực tiếp đưa bà Nh 2.000.000.000đ mà số tiền 2.000.000.000đ do ông Thđưa trực tiếp cho bà Nh và ông Th kêu chị H ra phiếu chi. Do vậy không có căn cứ chứng minh bà Nh nhận 2.000.000.000đ của DNTN Phi V theo phiếu chi ngày 03/7/2018 (bút lục 290).

[4] Ngày 04/07/2018, ông Th giao cho bà Nh số tiền 100.000.000đ từ nguồn tiền của DNTN Phi V để bà Nh với tư cách là thủ quỹ đem 100.000.000đ gửi Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Long, Phòng giao dịch Song Ph theo giấy gửi tiền ngày 04/07/2018 (bút lục 175, 180). Kế toán chị H ra phiếu chi cho người nhận tiền là bà Nh nhưng tại mục thủ quỹ bà Nh không ký tên nhận tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H thừa nhận không trực tiếp đưa bà Nh 100.000.000đ mà số tiền 100.000.000đ do ông Th đưa trực tiếp cho bà Nh và ông Th kêu chị H ra phiếu chi. Do vậy không có căn cứ chứng minh bà Nh nhận 100.000.000đ của DNTN Phi V theo phiếu chi ngày 04/7/2018 (bút lục 289).

[5] Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà Nh trình bày ông Th vay tiền của bà số tiền là 1.000.000.000đ, lãi suất là 3%/tháng, do ông Th có gửi tiết kiệm chưa đến hạn rút tiền nên vay tiền có thể chấp sổ tiết kiệm để trả cho bà số tiền 2.000.000.000đ vào ngày 03/07/2018, bà Nh không có hứa trả 1.000.000.000đ cho ông Th như biên bản hòa giải ngày 22/01/2019 đã ghi. Xét thấy, tại trang 2 biên bản hòa giải ngày 22/01/2019 của UBND xã Long Ph giữa ông Th và bà Nh có nội dung: “ Ý kiến bà Nh đồng ý đưa lại anh Tư V (tức là ông Th) một tỷ “ nhưng những tờ biên bản này không có chữ ký tên giáp lai của bà Nh mà chỉ có ông Th ký tên giáp lai, cuối biên bản bà Nh có ký tên và có ý kiến số tiền 2.000.000.000đ do ông Th tặng cho riêng bà, còn 100.000.000đ là tiền cá nhân của bà Nh dành dụm mà có. Ông Th không thừa nhận có vay tiền của bà Nh 1.000.000.000đ theo hai biên nhận mà bà Nh cho rằng khi ông đưa bà Nh 2.000.000.000đ thì bà Nh đã trả lại ông hai biên nhận đó.

[6] Ông Th và bà Nh cùng thống nhất xác định số tiền 2.100.000.000đ bà Nh dùng vào việc mua hai thửa đất 150, diện tích 1.630,5m² và thửa 209, diện tích 439,7m² tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B của ông Trần Văn C. Ngày 04/04/2019 cá nhân ông Trương Văn Th chứ không phải DNTN Phi V đã lập hợp đồng cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 150 và thửa

209 với ông Trần Văn C, hợp đồng này có tên bà Nh nhưng bà Nh không ký tên, ông Th đã đặt cọc cho ông Trần Văn C số tiền cọc là 200.000.000đ, đến ngày 13/01/2020 ông Th ký 02 hợp đồng chuyển nhượng với ông Trần Văn C 02 thửa đất số 209, diện tích 439,7m² và thửa đất số 150, diện tích 1.630,5m² có chứng thực của UBND xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long, sau đó ông Th không chuyển nhượng nữa nên ông Th và ông C đến UBND xã Long Ph để hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[7] Ngày 04/02/2021 bà Nh ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông C thửa đất số 209, diện tích 439,7m² và thửa đất số 150, diện tích 1.630,5m² theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 04 và 05 (bút lục 56, 66), cùng ngày 04/02/2020 bà Nh lập giấy thỏa thuận theo hợp đồng cam kết ngày 04/04/2019 của ông Th và ông C, bà Nh đặt cọc số tiền 20.000.000đ, khi có thông báo thuế sẽ trả ông C số tiền 1.400.000.000đ, số tiền còn lại sau khi trừ các khoản sẽ trả tiếp ông C. Tuy nhiên, sau khi bà Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không trả tiền ông C. Ngày 24/02/2020 TAND huyện Tam B thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông C theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 có nội dung ông C đòi bà Nh và ông Th trả số tiền còn nợ trong hợp đồng chuyển nhượng đất là 680.000.000đ.

[8] Ngày 18/03/2020 ông Th, bà Nh, ông C thống nhất ký văn bản thỏa thuận với nội dung bà Nh nhận chuyển nhượng 02 thửa đất 209 và 150 của ông Trần Văn C và trả tiền cho ông C, bà Nh phải trả lại cho ông Th số tiền 200.000.000đ mà ông Th đã đặt cọc cho ông C trước đó và ông Th đã nhận số tiền 200.000.000đ do bà Nh trả (bút lục 401- 403). Ngày 19/03/2020 TAND huyện Tam B ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do ông C rút đơn khởi kiện.

[9] Ngày 20/01/2020 ông Th lập hai Văn bản cam kết tài sản riêng có nội dung: *“Toàn bộ tài sản trên sau khi nhận chuyển nhượng hoàn thành từ ông Trần Văn C là do vợ tôi – bà Nguyễn Thị Hồng Nh dùng tiền riêng của mình để mua, tôi không có bất cứ một sự đóng góp nào vào việc tạo lập khối tài sản nêu trên. Việc tôi có đứng tên trong hợp đồng cam kết chuyển nhượng ngày 04/04/2019 chỉ mang tính chất hình thức, thực tế chỉ có vợ tôi là bà Nh mới có quyền ký hợp đồng chuyển nhượng cũng như làm thủ tục sang tên và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với khối tài sản nêu trên; Tôi hoàn toàn cam đoan sẽ không có bất cứ tranh chấp, khiếu kiện gì về sau đối với phần tài sản nêu trên”* (bút lục 15-16), cả hai văn bản cam kết tài sản riêng này có chứng thực của UBND xã Long Ph số 26 ngày 21/01/2020 và số 27 ngày 21/01/2020.

[10] Ông Th yêu cầu Tòa án hủy văn bản cam kết tài sản riêng lập ngày 20/01/2020 có chứng thực của UBND xã Long Ph số 27 ngày 21/01/2020, lý do

ông Th bị cưỡng ép ký tên vào biên bản. Tại công văn số 02/UBND ngày 11/01/2021 của UBND xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến như sau: *Đối với số chứng thực số:27/2020, quyển số 01/2020-SCT/CK, DC ngày 21/01/2020 ông Th tự nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa, người tiếp nhận hồ sơ nói hồ sơ chứng thực rồi sau chứng thực lại, ông Th trả lời do bà Nh không đồng ý có người làm chứng ký tên trong văn bản cam kết tài sản nên yêu cầu chứng thực lại, ông Th không có ai ép buộc và không có ai đe dọa ký văn bản trước UBND xã Long Ph, tại thời điểm chứng thực tình trạng sức khỏe tốt tinh thần minh mẫn sáng suốt. Hai văn bản trong cùng một ngày là chứng thực chữ ký tự nguyện của ông Th*”(bút lục 184). Như vậy ông Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị ép buộc khi ký tên vào văn bản nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy văn bản cam kết tài sản riêng là có căn cứ.

[11] Ông Th cho rằng bà Nh lấy 2.100.000.000đ tiền của DNTN Phi V đem đi chuyển nhượng 02 thửa đất 150 và 209, còn bà Nh thì cho rằng là tiền của bà chuyển nhượng từ nguồn tiền ông Th vay của bà sau đó trả vốn và lãi 2.000.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th xác định trong vụ án này là DNTN Phi V kiện thủ quỹ là bà Nh đã lấy tiền của doanh nghiệp đi mua đất chứ không phải ông Th kiện vợ là bà Nh đòi lại số tiền 2.100.000.000đ.

[12] Hồ sơ vụ án không thể hiện bà Nh nhận tiền của DNTN Phi V do các phiếu chi tiền không có chữ ký tên của bà Nh, chỉ có việc bà Nh nhận 2.000.000.000đ từ ông Th bằng nguồn tiền ông Th vay của ngân hàng để trả nợ cho bà Nh, ông Th không thừa nhận có nợ bà Nh, Lẽ ra ông Th kiện đòi bà Nh trả số tiền 2.100.000.000đ mà ông Th cho rằng đã đưa cho bà Nh để bà Nh mua đất nếu bà Nhanh không chứng minh được đã cho ông Th vay 1.000.000.000đ. Trong vụ án này ông Th xác định DNTN Phi V kiện thủ quỹ của doanh nghiệp là bà Nh đã chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp để mua đất. Tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 qui định đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Do vậy, ông Th - chủ DNTN Phi V kiện thủ quỹ bà Nh yêu cầu trả lại thửa đất số 209 diện tích 439,7m², thửa đất số 150 diện tích 1630,5m² và tài sản trên đất là không có căn cứ chấp nhận do bà Nh không nhận bất cứ khoản tiền nào của DNTN Phi V. Ngày 10/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Tam B đã tiếp nhận đơn tố giác đề ngày 08/01/2021 của DNTN Phi V, người đại diện ông Trương Văn Th – Chủ doanh nghiệp. Công an huyện Trà Ô ban hành công văn số 02 ngày 02/3/2021 về việc chuyển đơn tố giác ngày 08/01/2021 cho Tòa án nhân dân huyện Tam B giải quyết theo thẩm quyền, do vậy không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th trình bày trong trường hợp không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm thì yêu cầu giải quyết vụ án theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xét ông Th yêu cầu bà Nh trả tiền lãi của số tiền 2.100.000.000đ từ ngày 01/01/2019 đến 18/03/2020 là 14 tháng 17 ngày x lãi suất 1.66%/tháng = 507.794.000đ. Tính lãi tăng thêm 03 tháng của năm 2018, lãi suất 1.66%/tháng là 104.580.000đ; yêu cầu bà Nh trả lại cho DNTN Phi V số tiền còn lại là 115.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 1.66%/tháng tính từ ngày 18/03/2020 đến ngày 31/12/2020 là 09 tháng 13 ngày = 18.008.000đ, tổng cộng vốn và lãi 745.382.000đ là không có căn cứ chấp nhận do bà Nh không có nhận bất cứ khoản tiền nào của DNTN Phi V như phân tích nội dung trên.

[14] Về yêu cầu bà Nh trả số tiền 20.000.000đ ông Th cho bà Nh mượn vào ngày 10/8/2015 để trị bệnh cho cha bà Nh. Xét thấy, ông Th có nộp chứng cứ là phiếu chi ngày 10/08/2015 có nội dung: “ *ông Phan Văn Ch ký nhận tiền cùng với Trương Văn Th (V) chủ Doanh nghiệp đưa tiền cho Nguyễn Thị Hồng Nh tại Bệnh Viện Đa Khoa TP Cần Thơ. Lý do chi cho mượn do cha ruột của Nh bệnh nặng nằm ở Bệnh Viện Đa Khoa TP Cần Thơ phải chuyển đến Bệnh Viện Chợ Rẫy ở TP HCM. Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)*”(bút lục 457). Chị Nh trình bày chị là thủ quỹ trực tiếp ký phiếu chi giao tiền cho ông Th đem qua Cần Thơ đưa lại cho bà Nh mượn chữa bệnh cho cha vào tối ngày 10/08/2015. Phiếu chi ngày 10/08/2015, không có chữ ký của bà Nh, bà Nh không thừa nhận có nhận 20.000.000đ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Th buộc bà Nh trả cho ông số tiền 20.000.000đ.

[15] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nh yêu cầu ông Th trả 200.000.000đ tiền vay theo biên nhận ngày 09/10/2015 có dấu đỏ của DNTN Phi V (bút lục 331) và tiền lãi từ ngày 09/10/2015 đến ngày 01/10/2021 với lãi suất 0.84%/tháng x 70 tháng = 117.600.000đ và số tiền ông Th mượn bà là 32.000.000đ (gồm 22.000.000đ tiền thay bộ đèn hình led bóng xanh, bộ máy in và 10.000.000đ tiền nâng cấp trụ bơm và gắn máy in). Ông Th thừa nhận có vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 3%/tháng của bà Nh nhưng đã trả cho bà Nh ngày 31/10/2015 với tiền gốc và lãi tổng cộng là 204.600.000đ (bút lục 113-115), số tiền 32.000.000đ là số tiền lãi mà bà Nh đưa cho ông khi gửi số tiền 2.100.000.000đ ở Ngân hàng.

[16] Anh L chỉ biết việc anh thấy ông Th đưa tiền cho bà Nh còn không trực tiếp chứng kiến, không biết đưa số tiền bao nhiêu, có nghe nói là trả bà Nh số tiền 200.000.000đ và 4.600.000đ tiền lãi (bút lục 404 - 408). Chị Nh cho rằng có ra phiếu chi trả tiền cho bà Nh, việc ông Th trả tiền chị có thấy và có nói là 200.000.000đ và 4.600.000đ tiền lãi. Bà Nh nhận tiền ký tên vào sổ tay của ông Th (bút lục 386-387). Tại Kết luận giám định số 324/KLGD- PC09, ngày 24/06/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận Chữ

ký “Nh” trên tài liệu cần giám định có nội dung bắt đầu “ 30.10.15 Thù Lao...”, nội dung kết thúc “...bán chiều 3780000” so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Hồng Nh trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

[17] Xét thấy, theo Biên nhận “mượn tiền” ngày 09/10/2015 ông Th có mượn của bà Nh 200.000.000đ, có con dấu của DNTN Phi V, biên nhận mà bà Nh cung cấp ghi “*Thời gian trả do vợ chồng thỏa thuận*”. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Ngày 26/11/2020 bà Nh có yêu cầu ông Th trả số tiền 200.000.000đ nên chưa hết thời hiệu khởi kiện. Do vậy án sơ thẩm buộc ông Th trả bà Nh tiền vốn 200.000.000đ và tiền lãi 70 tháng $\times 0.84\%/tháng = 117.600.000đ$, tổng cộng là 317.600.000đ là có căn cứ. Về số tiền 32.000.000đ bà Nh có chuyển khoản cho ông Th mượn có giấy nộp tiền tại Ngân hàng (bút lục 200-201) và ông Th thừa nhận có nhận tiền, nhưng cho rằng đó là tiền lãi bà Nh trả 06 tháng năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy trong 02 giấy chuyển tiền không có ghi số tiền trả lãi, phiếu giao dịch có nội dung bà Nh gửi tiền DNTN Phi V nâng cấp trụ bơm và gắn máy in Bankcharge (bút lục 245-246), nên buộc ông Th trả lại bà Nh số tiền 32.000.000đ là phù hợp.

[18] Xét kháng cáo của bà Nh không phải trả cho ông Trương Văn Th số tiền lãi vay là 529.537.000đ và số tiền chia tài sản chung là 50.000.000đ, tổng cộng là 579.537.000đ. Bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn Th số tiền lãi vay vượt quá quy định của pháp luật là 529.537.000đ và số tiền chia tài sản chung của vợ chồng là 50.000.000đ, tổng cộng là 579.537.000đ (Năm trăm, bảy mươi chín triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) trong khi ông Th không có đơn khởi kiện đòi bà Nh trả số tiền 2.100.000.000đ là vượt quá phạm vi khởi kiện của ông Th, Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của bà Nh, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm cũng như yêu cầu khởi kiện của ông Th - Chủ DNTN Phi V, không chấp nhận kháng cáo của chị Nh, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[19] Bản án sơ thẩm tuyên bà Nguyễn Thị Hồng Nh tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 150 diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 1.445,8m² đất trồng cây lâu năm) và thửa 209 diện tích 439,7m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 289,7m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long và tài sản trên đất. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ đăng ký biến động thửa 150 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai nhưng trong vụ án này bà Nh không có yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng đất là vượt quá phạm vi khởi kiện của bà Nh, Hội đồng xét xử thống nhất sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[20] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm được xác định lại như sau: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí đối với yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, phải nộp 300.000đ án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy chứng thực của văn bản cam kết tài sản riêng; phải nộp án phí 45.449.000đ đối với yêu cầu đòi bà Nh trả số tiền vốn và lãi 745.382.000đ, số tiền mượn 20.000.000đ không được chấp nhận và số tiền 349.600.000đ buộc phải trả bà Nh, tổng cộng án phí nguyên đơn phải nộp là 46.049.000đ; Bị đơn không phải nộp án phí sơ thẩm.

[21] Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.764.400đ, chi phí giám định chữ ký là 3.000.000đ, tổng cộng là 5.764.400đ, do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này, được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn nộp tạm ứng, đã nộp xong, số tiền chi phí tố tụng còn lại, Tòa án nhân dân huyện Tam B yêu cầu nhận nhưng nguyên đơn chưa nhận nên đề nghị nguyên đơn liên hệ Tòa án nhân dân huyện Tam Bình để nhận lại số tiền này.

[22] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Nh .

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V .

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Kiều Nh

Sửa bản án sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 5, 74, 166, 280, 357, 463, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 99, 106, 166 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 28, 33, 34, 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 183, 184 Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V về việc yêu cầu bà Nh trả lại cho nguyên đơn thửa đất số 150 diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 1.445,8m² đất trồng cây lâu năm) và thửa 209 diện tích 439,7m² (trong đó 150m² đất ở nông thôn, 289,7m² đất trồng cây lâu năm), đất tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V yêu cầu bà Nh trả lại cho DNTN Phi V số tiền vốn và lãi tổng cộng là 745.382.000đ (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V yêu cầu hủy văn bản cam kết tài sản riêng có chứng thực của UBND xã Long Ph số 27 ngày 21/01/2020.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 162994, thửa 150, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.630,5m², đo đạc thực tế là 1.595,8m² và CV số 162995, thửa 209, tờ bản đồ số 8, diện tích 439,7m², cùng tọa lạc tại ấp Phú Sơn C, xã Long Ph, huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/03/2020.

1.5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V yêu cầu bà Nh trả số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) mà bà Nh mượn điều trị bệnh cho cha của bà Nh .

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Nh. Buộc ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền vay theo biên nhận ngày 09/10/2015 là 200.000.000đ tiền vốn, 117.600.000đ tiền lãi và 32.000.000đ tiền mượn, tổng cộng là 349.600.000đ (Ba trăm, bốn mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V phải nộp 2.764.400đ (hai triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng) chi phí khảo sát, đo đạc định giá tài sản và 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí giám định chữ ký, tổng cộng là 5.764.400đ (năm triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng) ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V) đã nộp xong, còn lại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V chưa nhận

nên ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V liên hệ Tòa án nhân dân huyện Tam B để nhận lại.

4.1. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V phải nộp án phí sơ thẩm là 46.049.000đ (bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn đồng) được khấu trừ số tiền ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V đã nộp tạm ứng án phí 14.850.000đ (mười bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010561 ngày 13/10/2020, biên lai thu số 0010950 ngày 25/03/2021 và biên lai thu số 0011117 ngày 04/06/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long, ông Trương Văn Th - Chủ DNTN Phi V còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 31.199.000đ (ba mươi một triệu, một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nh không phải nộp án phí sơ thẩm; hoàn trả bà Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền tạm ứng án phí là 10.850.000đ (mười triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0010695 ngày 30/11/2020 và biên lai số 0011114 ngày 02/06/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

4.2. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Trương Văn Th – Chủ DNTN Phi V không phải nộp án phí phúc thẩm; Hoàn trả ông Trương Văn Th– Chủ DNTN Phi V số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010269 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nh không phải nộp án phí phúc thẩm; Hoàn trả bà Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010262 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Trần Thị Kiều Nh không phải nộp án phí phúc thẩm; Hoàn trả chị Trần Thị Kiều Nh số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00102670 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam B, tỉnh Vĩnh Long.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ ;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung